

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: DU LỊCH

Mã số: 7810101

Tên cơ sở đào tạo: ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2019

MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo	
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Kỹ thuật điện tử - Viễn thông; Du lịch; Toán kinh tế	
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	
6	Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực - Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực - Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động	
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo - Kết luận của Hội đồng thẩm định	

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Du lịch; Mã số: 7810101
Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Ngày nay xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người không chỉ dừng lại ở những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở mà ngày càng hướng tới những nhu cầu ở mức cao hơn, trong đó có nhu cầu du lịch. Việc khám phá, trải nghiệm, tận hưởng những cảm giác mới lạ tại các điểm du lịch giúp cho con người giải tỏa những căng thẳng, áp lực cuộc sống, phục hồi sức khỏe để tiếp tục với công việc lao động, học tập. Vì lý do đó, du lịch trở thành một hoạt động không thể thiếu và ngày càng phát triển. Những năm gần đây ngành du lịch Việt Nam chứng kiến sự phát triển vượt bậc này. Sự phát triển này được thể hiện qua sự tăng lên về số lượng khách du lịch nội địa cũng như quốc tế. Nếu như giai đoạn 1990 Việt Nam đón 250.000 khách quốc tế và khoảng 1.000.000 khách nội địa thì đến năm 2018 số lượng khách quốc tế và khách nội địa đã tăng lên lần lượt là 60 lần và 80 lần, đạt mức 15 triệu khách quốc tế và 80 triệu khách nội địa, doanh thu đạt 620.000 tỷ đồng (tăng 17.7% so với năm 2017).

Chính sự tăng trưởng về số lượng khách du lịch đã giúp ngành du lịch trở thành ngành có đóng góp lớn cho sự phát triển các ngành khác và cho nền kinh tế Việt Nam. Năm 2017 đóng góp trực tiếp trực tiếp của ngành Du lịch vào GDP là 6.96%, hai năm sau đó 2019, tỉ lệ này đã đạt 8.5%. Ngoài ra ngành du lịch còn đóng góp to lớn vào nhu cầu sử dụng lao động. Năm 2017, theo ước tính của tổng cục du lịch, ngành du lịch sử dụng 750.000 lao động và con số này tăng thêm 40.000 mỗi năm.

Đạt được những thành tựu to lớn tuy nhiên việc phát triển ngành du lịch vẫn còn gặp phải nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổng cục du lịch ước tính từ năm 2017 mỗi năm ngành du lịch cần thêm 40.000 lao động mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Tuy nhiên hiện tại các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch trong cả nước chỉ đào tạo ra trường mỗi năm 15.000 lao động, trong đó chỉ có hơn 12% đạt trình độ cao đẳng, đại học. Trong số những lao động ra trường mỗi năm, phần lớn đều cần doanh nghiệp đào tạo lại, đào tạo thêm các kỹ năng về chuyên môn, thực hành và đặc biệt là ngoại ngữ. Tại khu vực phía Nam, với trung tâm du lịch lớn của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà chỉ cách Bình Dương khoảng 30 Km, hiện tại có khoản trên 50 trường đào tạo các chuyên ngành về Du lịch nhưng chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của thị trường. Điều này chứng tỏ ngành du lịch đang thực sự đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực

chất lượng cao. Để giải quyết được vấn đề này, thì việc đào tạo một cách chất lượng, trang bị một cách đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ cho sinh viên là hết sức cần thiết để phát triển ngành du lịch, phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

Đứng trước yêu cầu thực tiễn để phát triển ngành du lịch, Bộ Chính Trị đã thông qua nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu cụ thể: "Đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành Kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực" và "Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông - Nam Á." Trong đó các giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực du lịch rất được chú trọng về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trường Đại học Thủ Dầu Một có sứ mệnh đào tạo nhân lực có chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đứng trước nhu cầu của thị trường, quan điểm về phát triển ngành Du lịch trở thành ngành mũi nhọn của Đảng và Nhà nước, trường nhận thức được được cần phải thể hiện vai trò của mình trong việc tham gia đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch đáp ứng nhu cầu của thị trường và xã hội.

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng và cố vấn bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch. Việc xây dựng chương trình dựa trên việc khảo sát yêu cầu năng lực của các doanh nghiệp, tham thảo các chương trình du lịch của các trường đại học trong và ngoài nước như: Đại học Văn Hiến, Đại Văn hoá, The Hong Kong Polytechnic University, EU Business School v.v Do đó chương trình đào tạo ngành du lịch của trường Đại học Thủ Dầu Một đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tính hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 32 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 58 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 20 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 10 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra trường còn có các kí kết hợp tác với các khách sạn lớn tại tỉnh Bình Dương phục vụ nhu cầu thực

hành và thực tập của sinh viên. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành du lịch mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành du lịch trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất như trang thiết bị thí nghiệm – thực hành, thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Du lịch đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đúng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực Du lịch. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Du lịch trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Du lịch phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

**BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học
Ngành đào tạo: Du Lịch
Mã ngành: 7810101

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày tháng năm
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp - Chủ tịch Hội đồng Trường
- PGS.TS. Hoàng Trọng Quyền, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- TS. Ngô Hồng Điệp, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- TS. Nguyễn Thị Nhật Hằng, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Tuấn Anh, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- ThS. Lê Thị Kim Út, Trưởng phòng Đào tạo Đại học - Thư ký
- và 21 thành viên Hội đồng Khoa học theo Quyết định số 1324/QĐ - ĐHTDM ngày 30/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành **Du Lịch**.

2) Thông qua nội dung và ý kiến

ThS. Nguyễn Thanh Sang, báo cáo Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Du Lịch. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22). Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại quy định của TT22. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng mẫu, nội dung và kết cấu chương trình đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập đúng quy định của TT22, phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo tính vừa sức cho người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại TT22.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của TT22.

Góp ý khác:

- Tăng số lượng tín chỉ tự chọn cho người học.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Du Lịch.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO¹

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHTDM ngày ... tháng ... năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên chương trình:	Cử nhân DU LỊCH
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	DU LỊCH
Mã ngành:	7810101
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Khóa:	2020 – 2024

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chương trình (POs)

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du Lịch được xây dựng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và sản phẩm khoa học trong lĩnh vực Du lịch đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và phục vụ cho sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ, cả nước và hội nhập quốc tế. Với môi trường học tập trải nghiệm, người học được trang bị kiến thức; năng lực nghề nghiệp; năng lực tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Du lịch; có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện; trách nhiệm nghề nghiệp; khả năng thích nghi với những thay đổi, với môi trường làm việc để giải quyết các vấn đề của ngành Du lịch. Bên cạnh đó, người học cũng đạt được những yêu cầu về phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị, sức khỏe nhằm nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

TT	Nội dung
1	PO1: Nghiên cứu, ứng dụng các vấn đề của ngành Du lịch đóng góp cho sự phát triển bền vững của Việt Nam và khu vực.
2	PO2: Giải quyết các vấn đề cơ bản về quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực Du lịch trong bối cảnh đa dạng một cách chuyên nghiệp, sáng tạo và có đạo đức.
3	PO3: Có tính thần khởi nghiệp, động lực học tập mở rộng kiến thức, phát triển tri thức mới và nâng cao năng lực, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.2 Chuẩn đầu ra (ELOs)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

¹ Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình	
			Thứ tự	Nội dung
ELO1 - T	Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. - Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn. 	ELO1	Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá, luật pháp, quản lý, con người, môi trường và tư duy phản biện vào lĩnh vực kinh doanh, quản lý, phát triển và nghiên cứu trong du lịch.
			ELO2	Xây dựng các phương thức quản trị kinh doanh, quản lý điểm đến và phát triển các hoạt động, các sản phẩm trong lĩnh vực du lịch theo định hướng bền vững cho các bên liên quan.
			ELO3	Xác định và đánh giá các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, kinh doanh và nghiên cứu về du lịch.
			ELO4	Vận dụng những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý, kinh doanh để tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch và cho điểm đến du lịch theo hướng có trách nhiệm.
ELO2 - T	Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi 	ELO5	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và hội nhập quốc tế
			ELO6	Vận dụng thành thạo tư duy phản biện và sáng tạo để có cái nhìn mang tính toàn diện và hệ thống trong giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách hiệu quả.

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình	
			Thứ tự	Nội dung
		<p>trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. - Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. - Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. 	ELO7	Phối hợp với nhóm trong cương vị của một lãnh đạo nhằm dẫn dắt hay của một thành viên trong nhóm hướng đến thực hiện có hiệu quả các công việc, nhiệm vụ chuyên môn của tổ chức trong môi trường luôn thay đổi.
			ELO8	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch phù hợp với những tình huống thay đổi trong môi trường làm việc.
ELO3 - T	Mức tự chủ và trách nhiệm [Thái độ]	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. 	ELO9	Thể hiện ý thức trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, năng động
			ELO10	Có định hướng tương lai rõ ràng, có ý thức học tập suốt đời, có tinh thần khởi nghiệp và khát vọng phục vụ cộng đồng.

Bảng ...: Sự tương thích giữa ELOs và Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu giáo dục (POs)	Các ELOs đóng góp cho POs		
	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

PO1	ELO 1, 2, 3, 4	ELO 5, 6, 7	ELO 9, 10
PO2	ELO 1, 2, 3, 4	ELO 5, 6, 7, 8	ELO 9, 10
PO3			ELO 9, 10

1.3. Cơ hội việc làm:

Người học tốt nghiệp ngành Du lịch có thể đảm trách các vị trí các công việc khác nhau trong các doanh nghiệp lữ hành; các công ty tổ chức sự kiện; các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các trung tâm nghiên cứu về du lịch; hoặc các trường trung cấp, cao đẳng về du lịch; và có thể tiếp tục học ở bậc cao học và tiến sĩ, cụ thể:

- Nhân viên thiết kế / xây dựng chương trình du lịch
- Nhân viên điều hành chương trình du lịch
- Nhân viên kinh doanh chương trình du lịch
- Nhân viên tổ chức sự kiện
- Hướng dẫn viên du lịch
- Trưởng đoàn du lịch
- Thuyết minh viên du lịch
- Trưởng phòng điều hành
- Trưởng phòng hướng dẫn
- Trưởng phòng sản phẩm
- Trưởng phòng kinh doanh
- Quản lý doanh nghiệp du lịch, sự kiện
- Cán bộ chuyên trách về xúc tiến, quy hoạch, phát triển sản phẩm du lịch
- Giáo viên tại các trường trung cấp, cao đẳng về du lịch
- Chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch

1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học: Theo qui định về chuẩn đầu ra của Trường

1.5. Bằng cấp: Cử nhân ngành Du lịch

2. Thời gian đào tạo: 12 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ (chưa bao gồm 5 Tín chỉ Giáo dục thể chất, 8 Giáo dục quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ không chuyên, tin học, kỹ năng xã hội).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường ĐH Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

6. Thang điểm: Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp
Đại học	4 năm	120	32	58	20	10

7.2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương: 32 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	0	75	150	225	X	
2		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	0	3	90	90	180	X	
3		Giáo dục thể chất (LT)	2	0	30	60	90	X	
4		Giáo dục thể chất (TH)	0	3	90	90	180	X	
5		Nghiên cứu khoa học	3	0	45	90	135	X	
6		Tư duy biện luận ứng dụng	2	0	30	60	90	X	
7		Triết học Mác - Lênin	3	0	30	90	120	X	
8		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	30	60	90	X	
9		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	0	30	60	90	X	
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	X	
11		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	X	
12		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	X	
13		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	30	60	90	X	
14		Lịch sử văn minh thế giới	2	0	30	60	90	X	
15		Nhập môn hệ thống thông tin	3	0	45	90	135	X	
16		Pháp luật đại cương	2	0	30	60	90	X	
17		Thực hành văn bản Tiếng Việt	0	2	60	60	120	X	
18		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	0	3	90	90	180	X	
Kiến thức cơ sở ngành: 58 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 20 TC)									
1		Tổng quan du lịch	3	0	45	90	135	X	
2		Seminar Y tế du lịch	0	1	30	30	60	X	
3		Seminar Hoạt náo	0	1	30	30	60	X	
4		Địa lý du lịch Việt Nam	2	0	30	60	90	X	
5		Kinh tế học đại cương	3	0	45	90	135	X	
6		Kiến tập ngành du lịch	0	2	90	60	150	X	
7		Quản trị học	3	0	45	90	135	X	
8		Nguyên lý kế toán	3	0	45	90	135	X	
9		Quản trị tài chính	3	0	45	90	135	X	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
10		Marketing du lịch	3	0	45	90	135	X	
11		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	0	30	60	90	X	
12		Quản trị nguồn nhân lực	3	0	45	90	135	X	
13		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	0	45	90	135	X	
14		Phát triển du lịch bền vững	0	3	90	90	180	X	
15		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	0	45	90	135	X	
16		Công nghệ số trong du lịch	3	0	45	90	135		X
17		Thương mại điện tử	0	2	60	90	150		X
18		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	0	45	90	135		X
19		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	0	45	90	135		X
20		Digital marketing	0	2	60	60	120		X
21		Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	0	30	60	90		X
22		Văn hoá các nước ASEAN	2	0	30	60	90		X
23		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	0	45	90	135		X
24		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	0	2	60	60	120		X
25		Quản trị di sản du lịch	0	3	90	90	180		X
26		Du lịch tâm linh	2	0	30	60	90		X
27		Du lịch cộng đồng	0	3	90	90	180		X
28		Học qua phục vụ cộng đồng	0	2	60	60	120		X
29		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	0	2	60	60	120		X

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
30		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	0	30	60	90		X
31		Địa lý du lịch thế giới	2	0	30	60	90		X
32		Du lịch có trách nhiệm	0	3	135	90	225		X
33		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	0	30	60	90		X
34		Kinh tế du lịch	2	0	30	60	90		X
35		Xã hội học du lịch	2	0	30	60	90		X
36		Văn hoá ẩm thực	2	0	30	60	90		X
Kiến thức chuyên ngành: Người học chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau:									
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Tuyến và điểm du lịch	3	0	45	90	135	X	
2		Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	0	15	30	45	X	
3		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	0	2	60	60	120	X	
4		Nghiệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	0	3	90	90	180	X	
5		Thực tập tour Xuyên Việt	0	2	90	60	150	X	
6		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	0	45	90	135	X	
7		Quản trị điểm đến du lịch	0	3	90	90	180	X	
8		Đề án chuyên ngành QTLH	0	3	135	90	225	X	
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	0	4	120	#REF!	#REF!	X	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
2		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	0	4	120	#REF!	#REF!	X	
3		Quản lý hoạt động khách sạn	3	0	45	#REF!	#REF!	X	
4		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	0	45	#REF!	#REF!	X	
5		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	0	45	#REF!	#REF!	X	
6		Đề án chuyên ngành QTKS	0	3	135	#REF!	#REF!	X	
Chuyên ngành Quản trị Sự kiện: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		MICE tourism	2	0	30	60	90	X	
2		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	0	45	90	135	X	
3		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	0	45	90	135	X	
4		Thực hành lập dự án sự kiện	0	3	90	90	180	X	
5		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	0	45	90	135	X	
6		Chiến lược du lịch sự kiện	3	0	45	90	135	X	
7		Đề án chuyên ngành QTSK	0	3	135	90	225	X	
Thực tập tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Thực tập tốt nghiệp	0	5	25	150	175	X	
2		Khoá luận tốt nghiệp	0	5	225	150	375		X
3		Báo cáo tốt nghiệp	0	5	226	150	376		X

8. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng
1		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0	30	60	90
2		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	30	60	90
3		Nhập môn hệ thống thông tin	3	3	0	45	90	135
4		Tổng quan du lịch	3	3	0	45	90	135
		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.1	10	10	0	150	300	450
1		Giáo dục thể chất (LT)	2	2	0	30	60	90
2		Nghiên cứu khoa học	3	3	0	45	90	135
3		Seminar Y tế du lịch	1	0	1	30	30	60
4		Seminar Hoạt não	1	0	1	30	30	60
5		Địa lý du lịch Việt Nam	2	2	0	30	60	90
6		Kinh tế học đại cương	3	3	0	45	90	135
7		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.2	10	8	2	180	300	480
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	5	0	75	150	225
9		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	3	0	3	90	90	180
10		Pháp luật đại cương	2	2	0	30	60	90
11		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	0	2	60	60	120
12		Kiến tập ngành du lịch	2	0	2	90	60	150
		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.3	6	2	4	180	180	360
1		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2	0	30	60	90
2		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	3	0	3	90	90	180
3		Quản trị học	3	3	0	45	90	135
4		Nguyên lý kế toán	3	3	0	45	90	135
5		Công nghệ số trong du lịch	3	3	0	45	90	135
6		Thương mại điện tử	3	0	2	60	90	150
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.1	14	11	3	255	420	675
1		Giáo dục thể chất (TH)	3	0	3	90	90	180
2		Triết học Mác - Lênin	3	3	0	30	90	120

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
3		Quản trị tài chính	3	3	0	45	90	135	Ng lý toá
4		Tuyến và điểm du lịch	3	3	0	45	90	135	
5		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	4	0	4	120	120	240	
6		MICE tourism	2	2	0	30	60	90	
7		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTLH)	12	9	3	210	360	570	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTKS)	13	6	7	285	390	675	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTSK)	14	11	3	240	420	660	
1		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	60	90	
2		Marketing du lịch	3	3	0	45	90	135	
3		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	3	0	45	90	135	Qu trị
4		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	3	0	45	90	135	
5		Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	1	0	15	30	45	
6		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	0	2	60	60	120	
7		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	4	0	4	120	120	240	
8		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTLH)	11	9	2	195	330	525	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTKS)	12	8	4	240	360	600	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTSK)	11	11	0	165	330	495	
1		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	2	0	30	60	90	
2		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	2	0	30	60	90	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng
3		Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	45	90	135
4		Digital marketing	2	0	2	60	60	120
5		Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	2	0	30	60	90
6		Văn hoá các nước ASEAN	2	2	0	30	60	90
7		Nghiệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	3	0	3	90	90	180
8		Thực tập tour Xuyên Việt	2	0	2	90	60	150
9		Quản lý hoạt động khách sạn	3	3	0	45	90	135
10		Thực hành lập dự án sự kiện	3	0	3	90	90	180
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTLH)	14	7	7	345	420	765

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTKS)	12	10	2	210	360	570
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTSK)	12	7	5	255	360	615
1		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	60	90
2		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3	0	45	90	135
3		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	3	0	45	90	135
4		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	2	0	2	60	60	120
5		Quản trị di sản du lịch	3	0	3	90	90	180
6		Du lịch tâm linh	2	2	0	30	60	90
7		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0	45	90	135
8		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	3	0	45	90	135
9		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	3	0	45	90	135
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTLH)	13	11	2	225	390	615
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTKS)	13	11	2	225	390	615
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTSK)	13	11	2	225	390	615

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng
1		Phát triển du lịch bền vững	3	0	3	90	90	180
2		Du lịch cộng đồng	3	0	3	90	90	180
3		Học qua phục vụ cộng đồng	2	0	2	60	60	120
4		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	2	0	2	60	60	120
5		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	2	0	30	60	90
6		Địa lý du lịch thế giới	2	2	0	30	60	90
7		Du lịch có trách nhiệm	3	0	0	135	90	225
8		Quản trị điểm đến du lịch	3	0	3	90	90	180
9		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	3	0	45	90	135
10		Chiến lược du lịch sự kiện	3	3	0	45	90	135
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTLH)	11	0	11	330	330	660
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTKS)	11	3	8	285	330	615
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTSK)	11	3	8	285	330	615
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	60	90
2		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	3	0	45	90	135
3		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	2	0	30	60	90
4		Kinh tế du lịch	2	2	0	30	60	90
5		Xã hội học du lịch	2	2	0	30	60	90
6		Văn hoá ẩm thực	2	2	0	30	60	90
7		Đề án chuyên ngành QTLH	3	0	3	135	90	225
8		Đề án chuyên ngành QTKS	3	0	3	135	90	225

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng
9		Đề án chuyên ngành QTSK	3	0	3	135	90	225
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTLH)	10	7	3	240	300	540
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTKS)	10	7	3	240	300	540
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTSK)	10	7	3	240	300	540
1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	60	90
2		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	25	150	175
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.2	7	2	5	55	210	265
1		Khoá luận tốt nghiệp	5	0	5	225	150	375
2		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	5	225	150	375
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.3	5	0	5	225	150	375

9. Ma trận Chuẩn đầu ra CTĐT và Học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ (dự kiến)	KIẾN THỨC			
					ELO1	ELO2	ELO3	ELO4
1		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	1.3	S	N	N	N
2		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	3	1.3	S	N	N	N
3		Giáo dục thể chất (LT)	2	1.2	N	N	N	N
4		Giáo dục thể chất (TH)	3	2.2	N	N	N	N
5		Nghiên cứu khoa học	3	1.2	S	S	S	N
6		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2.1	S	N	N	N
7		Triết học Mác - Lênin	3	2.2	S	N	N	N
8		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2.3	S	N	N	N
9		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	3.1	S	N	N	N
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3.2	S	N	N	N
11		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4.1	S	N	N	N
12		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4.2	S	N	N	N
13		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1.1	S	N	N	N
14		Lịch sử văn minh thế giới	2	1.1	S	N	N	N
15		Nhập môn hệ thống thông tin	3	1.1	S	N	N	N
16		Pháp luật đại cương	2	1.3	S	N	N	N
17		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	1.3	S	N	N	N
18		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	3	2.1	H	S	S	N
19		Tổng quan du lịch	3	1.1	S	S	S	S
20		Seminar Y tế du lịch	1	1.2	N	N	N	N

21	Seminar Hoạt náo	1	1.2	N	N	N	N
22	Địa lý du lịch Việt Nam	2	1.2	S	N	S	S
23	Kinh tế học đại cương	3	1.2	S	S	S	N
24	Kiến tập ngành du lịch	2	1.3	S	S	S	N
25	Quản trị học	3	2.1	S	S	S	S
26	Nguyên lý kế toán	3	2.1	S	N	N	N
27	Quản trị tài chính	3	2.2	S	S	S	S
28	Marketing du lịch	3	2.3	S	S	S	S
29	Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	3.1	S	N	N	N
30	Quản trị nguồn nhân lực	3	3.1	S	S	S	S
31	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3.2	S	N	N	N
32	Phát triển du lịch bền vững	3	3.3	S	H	H	H
33	Quản trị rủi ro trong du lịch	3	4.1	S	S	S	S
34	Công nghệ số trong du lịch	3	2.1	S	S	S	S
35	Thương mại điện tử	3	2.1	S	S	N	S
36	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	2.3	S	S	S	S
37	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	2.3	S	N	N	N
38	Digital marketing	2	3.1	S	S	S	S
39	Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	3.1	S	N	N	N
40	Văn hoá các nước ASEAN	2	3.1	S	N	N	N
41	Quản trị chiến lược trong du lịch	3	3.2	S	H	H	H
42	Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	2	3.2	S	N	N	S
43	Quản trị di sản du lịch	3	3.2	S	S	S	S
44	Du lịch tâm linh	2	3.2	S	S	S	S

45		Du lịch cộng đồng	3	3.3	S	S	S	S
46		Học qua phục vụ cộng đồng	2	3.3	S	S	S	S
47		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	2	3.3	N	N	N	N
48		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	3.3	S	N	N	N
49		Địa lý du lịch thế giới	2	3.3	S	N	N	N
50		Du lịch có trách nhiệm	3	3.3	S	H	H	H
51		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	4.1	S	S	S	S
52		Kinh tế du lịch	2	4.1	S	S	S	S
53		Xã hội học du lịch	2	4.1	S	S	S	S
54		Văn hoá ẩm thực	2	4.1	S	N	N	N
55		Tuyến và điểm du lịch	3	2.2	S	N	N	N
56		Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	2.3	S	N	N	S
57		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2.3	S	N	N	S
58		Nghiệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	3	3.1	S	N	N	S
59		Thực tập tour Xuyên Việt	2	3.1	S	N	N	N
60		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3.2	S	S	S	S
61		Quản trị điểm đến du lịch	3	3.3	S	H	S	H
62		Đề án chuyên ngành QTLH	3	4.1	H	H	H	H
63		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	4	2.2	S	N	N	N
64		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	4	2.3	S	N	N	N
65		Quản lý hoạt động khách sạn	3	3.1	S	S	S	S
66		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	3.2	S	S	S	S
67		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	3.3	S	H	H	H
68		Đề án chuyên ngành QTKS	3	4.1	H	H	H	H

69	MICE tourism	2	2.2	S	S	S	S
70	Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	2.2	S	S	N	N
71	Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	2.3	S	S	N	N
72	Thực hành lập dự án sự kiện	3	3.1	S	S	S	S
73	Quản trị sự kiện và hội nghị	3	3.2	S	S	S	S
74	Chiến lược du lịch sự kiện	3	3.3	S	H	H	H
75	Đề án chuyên ngành QTSK	3	4.1	H	H	H	H
76	Thực tập tốt nghiệp	5	4.2	S	S	S	S
77	Khoá luận tốt nghiệp	5	4.3	H	H	H	H
78	Báo cáo tốt nghiệp	5	4.3	H	H	H	H

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ²
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số ngày.....thángnăm...):...
- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
Ngành Du lịch						
1	Nguyễn Văn Thủy	Tiến sĩ, Giám đốc chương trình	Lịch sử Việt Nam	Đại học Thủ Dầu Một		
2	Phạm Thanh Sang	Thạc sĩ, Giảng viên	Đa dạng sinh học và quy hoạch	Đại học Thủ Dầu Một		
3	Trần Thị Khánh Hóa	Thạc sĩ, Thư ký chương trình, giảng viên	Quản lý Môi trường và Du Lịch sinh thái	Đại học Thủ Dầu Một		
4	Phan Văn Trung	Thạc sĩ. NCS.	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
5	Nguyễn Thị Hoài Phương	Thạc sĩ.NCS	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
6	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
7	Vũ Hải Thiên Nga	Thạc sĩ	Địa Lý Phương pháp	Đại học Thủ Dầu Một		

² Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

8	Lê Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một		
9	Nguyễn Anh Hoàn	Tiến sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
10	Phạm Kim Cương	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một		

1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
Ngành						
1	Bùi Sỹ Vương, 1987	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng máy vi tính	Tin học căn bản	1	Bùi Sỹ Vương, 1987
2	Nguyễn Đình Thọ, 1985	ThS. Công nghệ thông tin	Phòng máy vi tính	Tin học căn bản	2	Nguyễn Đình Thọ, 1985
...						

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)		

1	Phòng học	156	5000	Projector	1	Các học phần			
2	Giảng đường 80 chỗ ngồi	3	480	Projector	1	Các học phần			
...	Giảng đường 100 chỗ ngồi	3	600	Projector	1	Các học phần			
	Hội trường đa năng - 450 chỗ ngồi	1	900	Projector	1	Các học phần			
	Phòng máy tính	5		Máy vi tính	222				
				Máy tính xách tay	22				
				Màn hình	66				
				Đầu Video-CD	10				
				Projector	79				
				Micro không dây, loa	42				

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1			- - -				
2			- - -				
...							

--	--	--	--	--	--	--	--

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 900 m²; Diện tích phòng đọc: 564 m²
- Số chỗ ngồi: 173 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 58
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: Có; cơ sở dữ liệu mua quyền truy cập: 05 cơ sở dữ liệu (Proquest, STD, Kết quả nghiên cứu khoa học, Credo, tailieu.vn).
- Tổng số đầu sách của Thư viện là 14.742, số bản sách là 104.070, số đầu báo - tạp chí là 155, số bản báo tạp chí in là 29.764 và tài liệu điện tử (file) là 1.856 tài liệu phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu của học viên.

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn	Nguyễn Việt Thông	NXB. Chính trị quốc gia	2011	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Giáo trình Đường lối CM của ĐCSVN	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	NXB. Chính trị quốc gia	2012	3	Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (CB)	NXB. Giáo dục	2014	9	Lịch sử văn minh thế giới	
5	Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB. Giáo dục	2010	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	
7	Giáo trình Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	5	Logic học đại cương	
8	Xã hội học	Huỳnh Công Bá	NXB Thuận Hóa	2012	5	Xã hội học đại cương	

9	Tâm lí học đại cương	Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yên, Ngô Thị Kim Dung và những người khác	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	2	Tâm lí học đại cương	
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang	NXB. Đại học Quốc gia TP HCM	2012	10	Tiếng Việt thực hành	
11	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thăng	NXB. Giáo dục	2009	10	Nhân học đại cương	
12	Giáo trình ứng dụng tin học	Nguyễn Việt Dũng		2008		Tin học đại cương	
13	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1,	Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
14	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2	Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
15	Cẩm nang du lịch văn hóa - Tâm linh Việt Nam	Nguyễn Trường Tân	NXB. Thanh niên, 2019	2019	20	Nghiệp vụ lữ hành	
16	Non nước Việt Nam : Sách hướng dẫn du lịch	Vũ Thế Bình	NXB. Tổng cục Du lịch,	2010	5	Quản trị di sản du lịch	
17	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	Giáo dục,	2001	15	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	
18	Du lịch Việt Nam - Từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu, Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2018	10	Tổng quan du lịch	

19	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật,	2017	20	Tổng quan du lịch	
20	Việt Nam - hình ảnh và ấn tượng	người phiên dịch Trần Anh Thơ	Giáo dục,	2001	5	Tổng quan du lịch	
21	Giáo trình tâm lý học du lịch	Nguyễn Hữu Thụ	Đại học quốc gia,	2009	10	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	
22	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật	2017	10	Tổng quan du lịch	
23	Địa lý Du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	Giáo dục Việt Nam,	2012	15	Địa lý Du lịch Việt Nam	
24	Tổng quan du lịch	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh,	2015	20	Tổng quan du lịch	
25	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2010	10	Quy hoạch du lịch	
26	Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể	Nguyễn Thị Hồng Nhất	Nxb. Đà Nẵng,	2016	5	Xã hội học du lịch	
27	Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam	Bùi Thị Tám, Võ Thị Ngọc Thúy	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2016	5	Văn hóa ẩm thực	
28	Địa lý du lịch cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa	Giáo dục Việt Nam,	2017	5	Địa lý du lịch	
29	Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2016	15	Du lịch cộng đồng	
30	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2009	15	Quản trị kinh doanh lữ hành	

31	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2011	10		
32	Phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Lê Anh Tuấn, Swathi Ravichandran, Phạm Xuân Hậu	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2019	5	Quản trị nguồn nhân lực	
33	Du lịch thế giới qua hình ảnh	Khánh linh	Thời đại,	2011	5	Tổng quan du lịch	
34	Địa lí dịch vụ	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông	Đại học sư phạm,	2012	20	Địa lý du lịch thế giới	
35	Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa	Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,	2016	10	Địa lý du lịch thế giới	
36	Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung bộ	Nguyễn Quang Hà, Trần Hoàng, Mai Khắc Ứng, Phạm Hồng Việt, Nguyễn Vũ Đức.	Giáo dục,	2001	15	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	
37	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2012	20	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	
38	Di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở Việt Nam trong phát triển du lịch	Lâm Nhân	Đại học Quốc gia TP.HCM,	2017	5	Du lịch tâm linh	
39	Một số vấn đề văn hóa du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh	2016	10	Phát triển du lịch bền vững	
40	Du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2017	10	Tổng quan du lịch	

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1							
2							
...							

2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo
Kèm hợp đồng đào tạo giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành/thực tập

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

....., ngày..... tháng năm.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Số:

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành: **Du lịch** Mã số: 7810101
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

* Tổng quan

- Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐTTg, ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trường chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2009.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)

- Cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ của Trường: Số 06, đường Trần Văn On, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại: 0274.3822.518 Fax: 0274.3837.150

- Website: <http://tdmu.edu.vn>

- Loại trường: Công lập

- Sứ mệnh của trường là Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

- Về tổ chức, Trường có 01 Chủ tịch Hội đồng Trường và 04 Phó Hiệu trưởng, 13 phòng, ban chức năng, 11 Khoa, 10 trung tâm, 2 Viện, tạp chí và Trung tâm Y tế.

- Về nhân sự, Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 732 người, trong đó có 16 PGS.TS, 114 TS, 502 ThS (109 NCS) tỷ lệ TS/GV 20,6%

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học trọng điểm đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các vùng phụ cận.

Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Đại học Thủ Dầu Một đào tạo 9 ngành Thạc sĩ và 30 ngành đại học với quy mô 15.045 sinh viên (13.112 sinh viên hệ chính quy và 1933 sinh viên hệ thường xuyên) và 780 học viên cao học. Hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm.

Đặc biệt, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi giảng viên. Thời gian qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục và Trường Đại học nước ngoài như Đại học Woosung (Hàn Quốc), Học viện văn hóa quốc tế Thiên Tân (Trung Quốc).

Hình thức đào tạo đại học các ngành trên là hệ chính quy tập trung, vừa làm vừa học, liên thông và bồi dưỡng ngắn hạn. Chương trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; các chương trình đào tạo đều tiếp cận phương pháp CDIO và “hòa hợp tích cực”; hiện đang tiến hành xây dựng 6 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và dự kiến đánh giá 4 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.

*** Về công tác quản trị đại học**

Trường thực hiện mô hình quản trị đại học 02 cấp: cấp Trường và cấp khoa; phân cấp quản lý và phân quyền tự chủ cho các khoa chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý có nhiều chuyển biến tích cực; bộ máy được sắp xếp hợp lý. Đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình để giải quyết công việc. Đã xây dựng quy chế phối hợp giữa các phòng, ban, khoa; cơ chế kiểm tra, giám sát. Trang thông tin của Trường được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, là kênh thông tin chủ lực đẩy mạnh truyền thông cho nhà trường, tạo dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh.

*** Về công tác bảo đảm chất lượng**

Hiện nay, nhà trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các ngành học, ở cả hệ chính quy và thường xuyên. Công tác đào tạo của trường được quản lý bằng phần mềm Edusoft, tích hợp các tiện ích: đăng ký môn học, đến nhập điểm, xem thời khóa biểu... Từ năm học 2014-2015 triển khai thực hiện đề xướng CDIO để phát triển chất lượng đào tạo một cách toàn diện và có hệ thống. Đây được xem là hướng cải tiến mới mà Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các đại học thành viên đang tích cực áp dụng. CDIO là kim chỉ nam hướng dẫn công tác chất lượng đào tạo được thực hiện liên tục và hiệu quả. Bảo đảm vững chắc từng bước đạt được các tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam, khu vực (AUN) và thế giới như chiến lược đặt ra. Năm 2014, hoàn thành đánh giá trong. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành đánh giá trong và được xếp hạng thứ 196 trên tổng số 345 trường Đại học ở Việt Nam. Thành lập Ban phát triển chất lượng đào tạo, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách và điều phối việc cải tiến nội dung, chất lượng theo CDIO của toàn Trường. Mục tiêu là để chương trình đào tạo được cải tiến không ngừng và chất lượng đào tạo luôn được nâng lên. Năm 2017, Đại học Thủ Dầu Một là trường đại học công lập đầu tiên của tỉnh Bình Dương được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục-Đào tạo và hiện đang là thành viên liên kết của tổ chức AUN, hướng đến kiểm định các chương trình đào tạo.

2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực ngành Du lịch

Ngày nay xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người không chỉ dừng lại ở những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở mà ngày càng hướng tới những nhu cầu ở mức cao hơn, trong đó có nhu cầu du lịch. Việc khám phá, trải nghiệm, tận hưởng những cảm giác mới lạ tại các điểm du lịch giúp cho con người giải tỏa những căng thẳng, áp lực cuộc sống, phục hồi sức khỏe để tiếp tục với công việc lao động, học tập. Vì lý do đó, du lịch trở thành một hoạt động không thể thiếu và ngày càng phát triển. Những năm gần đây ngành du lịch Việt Nam chứng kiến sự phát triển vượt bậc này. Sự phát triển này được thể hiện qua sự tăng lên về số lượng khách du lịch nội địa cũng như quốc tế. Nếu như giai đoạn 1990 Việt Nam đón 250.000 khách quốc tế và

khoảng 1.000.000 khách nội địa thì đến năm 2018 số lượng khách quốc tế và khách nội địa đã tăng lên lần lượt là 60 lần và 80 lần, đạt mức 15 triệu khách quốc tế và 80 triệu khách nội địa, doanh thu đạt 620.000 tỷ đồng (tăng 17.7% so với năm 2017).

Chính sự tăng trưởng về số lượng khách du lịch đã giúp ngành du lịch trở thành ngành có đóng góp lớn cho sự phát triển các ngành khác và cho nền kinh tế Việt Nam. Năm 2017 đóng góp trực tiếp trực tiếp của ngành Du lịch vào GDP là 6.96%, hai năm sau đó 2019, tỉ lệ này đã đạt 8.5%. Ngoài ra ngành du lịch còn đóng góp to lớn vào nhu cầu sử dụng lao động. Năm 2017, theo ước tính của tổng cục du lịch, ngành du lịch sử dụng 750.000 lao động và con số này tăng thêm 40.000 mỗi năm.

Đạt được những thành tựu to lớn tuy nhiên việc phát triển ngành du lịch vẫn còn gặp phải nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổng cục du lịch ước tính từ năm 2017 mỗi năm ngành du lịch cần thêm 40.000 lao động mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Tuy nhiên hiện tại các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch trong cả nước chỉ đào tạo ra trường mỗi năm 15.000 lao động, trong đó chỉ có hơn 12% đạt trình độ cao đẳng, đại học. Trong số những lao động ra trường mỗi năm, phần lớn đều cần doanh nghiệp đào tạo lại, đào tạo thêm các kỹ năng về chuyên môn, thực hành và đặc biệt là ngoại ngữ. Tại khu vực phía Nam, với trung tâm du lịch lớn của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà chỉ cách Bình Dương khoảng 30 Km, hiện tại có khoản trên 50 trường đào tạo các chuyên ngành về Du lịch nhưng chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của thị trường. Điều này chứng tỏ ngành du lịch đang thực sự đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Để giải quyết được vấn đề này, thì việc đào tạo một cách chất lượng, trang bị một cách đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ cho sinh viên là hết sức cần thiết để phát triển ngành du lịch, phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

2.2 Kết quả đào tạo trình độ Đại học, Cao đẳng đối với những ngành đang đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một

Năm đầu khi mới thành lập, Trường chỉ đào tạo 06 ngành đại học và 06 ngành cao đẳng với tổng quy mô sinh viên 2.288. Đến nay, Trường đã đào tạo 30 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, 09 ngành cao học, với tổng quy mô 15.045 sinh viên và 780 học viên cao học, tăng gấp 07 lần sau 07 năm hoạt động. Sau 07 năm hoạt động, Trường đã có 5.780 sinh viên tốt nghiệp với tỉ lệ khá giỏi cao: 45%. Hầu hết sinh viên ra trường đều tìm được việc làm phù hợp (tỉ lệ 80%), đặc biệt sinh viên ngành sư phạm được người sử dụng lao động đánh giá cao. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên đã định hình và có bước tiến bước đầu. Trường đã tạo ra một sân chơi khoa học và đã có 76 đề tài nghiên cứu của sinh viên thực hiện, có 14 đề tài được trao giải, trong đó có 01 đề tài được gửi đi tham gia xét chọn đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. Sinh viên của Trường đạt giải cao trong các cuộc thi: 05 giải khuyến khích cuộc thi Olympic Vật lý lần thứ XVI; 02 giải ba và giải ba toàn đoàn cuộc thi Olympic Toán học lần thứ XXI; 02 giải cá nhân xuất sắc, 01 giải nhì và giải ba tập thể Olympic các môn khoa học Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.....Thành tích này chứng tỏ chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao.

2.3 Giới thiệu về Khoa sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Du lịch

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, hiện nguồn nhân lực khoa gồm 79 cán bộ giảng viên gồm 3 PGS TS, 15 TS, 61 Thạc sĩ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm 7:

- Ngành lịch sử: 12 giảng viên.
- Ngành Ngữ Văn: 21 giảng viên.
- Ngành CTXH: 9 giảng viên.

- Địa lý: 7 giảng viên (4 nữ, 2 nam) gồm 6 thạc sĩ
- Chính trị học: 6
- Văn phòng khoa: 3 viên chức
- Du lịch: 12

Ngoài ra, nhà trường còn có đội ngũ đông đảo cán bộ có học vị tiến sĩ, thạc sĩ khoa từ các khoa như Khoa học Giáo dục, Hành chính – Luật, Công tác xã hội, Kinh tế, Ngoại ngữ tham gia giảng dạy và đội ngũ đông đảo các nhà khoa học là cộng tác viên thuộc các lĩnh vực chủ yếu của ngành đào tạo này ở các trường đại học, viện nghiên cứu đóng trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và Bình Dương.

Trường cũng đã thiết lập mạng lưới liên kết các trường đại học nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế sẵn sàng hợp tác và chia sẻ với Trường trong việc giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực này.

Được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay Khoa Sử đang đào tạo 03 ngành gồm: 01 ngành cử nhân sư phạm lịch sử - ở trình độ đại học; 1 ngành cử nhân chính trị học – trình độ đại học; 01 ngành cử nhân địa lý – trình độ đại học.

2.4 Lý do đăng ký mở ngành Du lịch

Đứng trước yêu cầu thực tiễn để phát triển ngành du lịch, Bộ Chính Trị đã thông qua nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu cụ thể: "Đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành Kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực" và "Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông - Nam Á." Trong đó các giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực du lịch rất được chú trọng về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trường Đại học Thủ Dầu Một có sứ mệnh đào tạo nhân lực có chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đứng trước nhu cầu của thị trường, quan điểm về phát triển ngành Du lịch trở thành ngành mũi nhọn của Đảng và Nhà nước, trường nhận thức được được cần phải thể hiện vai trò của mình trong việc tham gia đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch đáp ứng nhu cầu của thị trường và xã hội.

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng và cố vấn bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch. Việc xây dựng chương trình dựa trên việc khảo sát yêu cầu năng lực của các doanh nghiệp, tham thảo các chương trình du lịch của các trường đại học trong và ngoài nước như: Đại học Văn Hiến, Đại Văn hoá, The Hong Kong Polytechnic University, EU Business School v.v Do đó chương trình đào tạo ngành du lịch của trường Đại học Thủ Dầu Một đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tính hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 32 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 58 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 20 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 10 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra trường còn có các kí kết hợp tác với các khách sạn lớn tại tỉnh Bình Dương phục vụ nhu cầu thực hành và thực tập của sinh viên. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành du lịch mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành du lịch trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2.5 Căn cứ chính đăng ký mở ngành đào tạo

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết vào hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

- Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một Bình Dương, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.

- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng .

- Căn cứ công văn số 3281/BGD&ĐT-GDDH ngày 30/06/2015 của Bộ Giáo dục về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16 /04/2015;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

- Căn cứ nhu cầu xã hội, khả năng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Năng lực của Trường Đại học Thủ Dầu Một

2.1.1 Về nhân sự

Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là 732 người, trong đó có 16 PGS.TS, 114 TS, 502 ThS (109 NCS) tỷ lệ TS/GV 20,6%. Liên quan trực tiếp đến ngành Quốc tế học, hiện Đại học Thủ Dầu Một có 25 giảng viên, trong đó có 5 Tiến sĩ, 4 Thạc sĩ, 16 Nghiên cứu sinh gắn với các chuyên ngành Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Chính trị

học, Luật, Ngôn ngữ Anh, Địa lý... với định hướng nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Quốc tế học. Tất cả các giảng viên trên đều là giảng viên cơ hữu tại trường, có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và các chứng chỉ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giảng viên, đã có kinh nghiệm đứng lớp nhiều năm đồng thời có kinh nghiệm, kết quả nhất định trong công tác nghiên cứu khoa học; đảm bảo việc phụ trách các học phần trong Chương trình.

Ngoài ra, để đảm bảo công tác đào tạo, khoa phụ trách còn nhận được sự hỗ trợ từ các khoa, viện, trung tâm, phòng, ban trong trường về lực lượng giảng viên cho các học phần thuộc khối kiến thức đại, cương, cơ sở ngành khác cũng như các kỹ thuật viên, nhân viên các bộ phận.

Bên cạnh đó còn thường xuyên mời các chuyên gia từ các cơ sở đào tạo có uy tín khác trong cả nước đến để cộng tác, chia sẻ, học tập kinh nghiệm để từ đó nâng cao chuyên môn

Danh sách giảng viên:

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Học phần/môn học, dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Thủy	Tiến sĩ, Giám đốc chương trình	Lịch sử Việt Nam	Đại học Thủ Dầu Một	
2	Phạm Thanh Sang	Thạc sĩ, Giảng viên	Đa dạng sinh học và quy hoạch	Đại học Thủ Dầu Một	
3	Trần Thị Khánh Hóa	Thạc sĩ, Thư ký chương trình, giảng viên	Quản lý Môi trường và Du Lịch sinh thái	Đại học Thủ Dầu Một	
4	Phan Văn Trung	Thạc sĩ. NCS.	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
5	Nguyễn Thị Hoài Phương	Thạc sĩ.NCS	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
6	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
7	Vũ Hải Thiên Nga	Thạc sĩ	Địa Lý Phương pháp	Đại học Thủ Dầu Một	
8	Lê Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một	
9	Nguyễn Anh Hoàn	Tiến sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	

10	Phạm Kim Cương	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một	
----	----------------	---------	-----------------------	---------------------	--

Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo
1	Bùi Sỹ Vương, 1987	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng máy vi tính	Tin học căn bản
2	Nguyễn Đình Thọ, 1985	ThS. Công nghệ thông tin	Phòng máy vi tính	Tin học căn bản

2.2.2 Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

* Tổng quan về cơ sở vật chất hiện có

- Tổng diện tích: 643.630,5 (m²)
- Diện tích cho giảng đường/hội trường/phòng học: 18.928,5 (m²); trong đó:
 - + Phòng học: 156 phòng (từ 20 đến 100 chỗ ngồi, 2 hội trường lớn 200 và 700 chỗ ngồi)
 - + Phòng máy tính: 9 phòng (638,3 m²) với 222 máy tính; đa số có cấu hình DUAL CORE-E5500, RAM 1GB, Card mạng, màn hình, bàn phím...; nối mạng cục bộ; đường truyền Internet Lease LINE 4Mb/s kết nối Internet cho các phòng máy tính; đường truyền Nadsl 14Mb/s kết nối cho các phòng, khoa và cho hệ thống Internet không dây trong toàn trường hỗ trợ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên,...
 - + Phòng học ngoại ngữ: 20 phòng (600 m²)
 - + Phòng nhạc, họa: 5 phòng (844,5 m²)
 - + Thư viện – Trung tâm học liệu: 5 phòng (1980 m²)
 - + Phòng thí nghiệm: 16 phòng (4654 m²)
 - + Xưởng thực tập, thực hành: 14 phòng (18.928,5 m²)
 - + Nhà tập đa năng: 1 (836,5 m²)

* Trung tâm Thông tin Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m²; Diện tích phòng đọc: 1.410 m²
- Số chỗ ngồi: 468 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;
- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Riêng đối với ngành Quốc tế học, hệ thống tài liệu tại thư viện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, nghiên cứu của sinh viên. Hằng năm, thư viện đều tiến hành cập nhật, bổ sung tài liệu trên cơ sở đề xuất từ các giảng viên, Bộ môn, Khoa và thông tin từ các đơn vị xuất bản trong cả nước.

Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo ngành Quốc tế học

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
-------	----------------	-------------	--------------	--------------	--------	-------------------------------	---------

1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn	Nguyễn Việt Thông	NXB. Chính trị quốc gia	2011	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Giáo trình Đường lối CM của ĐCSVN	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	NXB. Chính trị quốc gia	2012	3	Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (CB)	NXB. Giáo dục	2014	9	Lịch sử văn minh thế giới	
5	Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB. Giáo dục	2010	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	
7	Giáo trình Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	5	Logic học đại cương	
8	Xã hội học	Huỳnh Công Bá	NXB Thuận Hóa	2012	5	Xã hội học đại cương	
9	Tâm lí học đại cương	Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yên, Ngô Thị Kim Dung và những người khác	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	2	Tâm lí học đại cương	
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang	NXB. Đại học Quốc gia TPHCM	2012	10	Tiếng Việt thực hành	
11	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương,	NXB. Giáo dục	2009	10	Nhân học đại cương	

		Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thăng					
12	Giáo trình ứng dụng tin học	Nguyễn Việt Dũng		2008		Tin học đại cương	
13	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1,	Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
14	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2	Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
15	Cẩm nang du lịch văn hóa - Tâm linh Việt Nam	Nguyễn Trường Tân	NXB. Thanh niên, 2019	2019	20	Nghiệp vụ lễ hành	
16	Non nước Việt Nam : Sách hướng dẫn du lịch	Vũ Thế Bình	NXB. Tổng cục Du lịch,	2010	5	Quản trị di sản du lịch	
17	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	Giáo dục,	2001	15	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	
18	Du lịch Việt Nam - Từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu, Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2018	10	Tổng quan du lịch	
19	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật,	2017	20	Tổng quan du lịch	
20	Việt Nam - hình ảnh và ấn tượng	người phiên dịch Trần Anh Thơ	Giáo dục,	2001	5	Tổng quan du lịch	
21	Giáo trình tâm lý học du lịch	Nguyễn Hữu Thọ	Đại học quốc gia,	2009	10	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	
22	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật	2017	10	Tổng quan du lịch	
23	Địa lý Du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	Giáo dục Việt Nam,	2012	15	Địa lý Du lịch Việt Nam	
24	Tổng quan du lịch	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ	2015	20	Tổng quan du lịch	

			Tp. Hồ Chí Minh,				
25	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2010	10	Quy hoạch du lịch	
26	Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể	Nguyễn Thị Hồng Nhất	Nxb. Đà Nẵng,	2016	5	Xã hội học du lịch	
27	Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam	Bùi Thị Tám, Võ Thị Ngọc Thúy	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2016	5	Văn hóa ẩm thực	
28	Địa lí du lịch cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa	Giáo dục Việt Nam,	2017	5	Địa lý du lịch	
29	Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2016	15	Du lịch cộng đồng	
30	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2009	15	Quản trị kinh doanh lữ hành	
31	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2011	10		
32	Phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Lê Anh Tuấn, Swathi Ravichandran, Phạm Xuân Hậu	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2019	5	Quản trị nguồn nhân lực	
33	Du lịch thế giới qua hình ảnh	Khánh linh	Thời đại,	2011	5	Tổng quan du lịch	
34	Địa lí dịch vụ	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông	Đại học sư phạm,	2012	20	Địa lý du lịch thế giới	
35	Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa	Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,	2016	10	Địa lý du lịch thế giới	

36	Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung bộ	Nguyễn Quang Hà, Trần Hoàng, Mai Khắc Ứng, Phạm Hồng Việt, Nguyễn Vũ Đức.	Giáo dục,	2001	15	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	
37	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2012	20	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	
38	Di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở Việt Nam trong phát triển du lịch	Lâm Nhân	Đại học Quốc gia TP.HCM,	2017	5	Du lịch tâm linh	
39	Một số vấn đề văn hóa du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh	2016	10	Phát triển du lịch bền vững	
40	Du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2017	10	Tổng quan du lịch	

Ngoài ra, Trường Đại học Thủ Dầu Một còn dự kiến đầu tư xây dựng cơ sở Trường mới tại Khu Đô thị và Công nghiệp Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Tổng Diện tích khu đất khoảng 57,6 hecta, được quy hoạch xây dựng định hình rõ 03 khu vực: Khu vực xây dựng Trường Đại học, khu vực xây dựng Ký túc xá sinh viên, khu vực xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một. Với quy mô từng dự án cụ thể như sau:

+ **Công trình - Trường Đại học Thủ Dầu Một:** Quy mô sinh viên: 24.500 SV
Diện tích đất xây dựng công trình: 86.114,52 m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng : 241.936,3 m²

- Tổng giá trị xây dựng công trình khoảng 2.600 tỷ đồng

+ **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh

+ **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

2.1.3 Về Nghiên cứu Khoa học

- Hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm cho học tập và nghiên cứu

Bắt đầu từ năm 2015, Trường mạnh dạn đầu tư máy móc hiện đại, phục vụ cho thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực tự nhiên và môi trường. Điển hình là máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) giá trị hơn 1,6 tỷ đồng; máy quang phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourier (638 triệu đồng); máy quang phổ hấp thụ UVvis/NIR (470 triệu đồng)....

- Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và con người của cả nước để thực hiện các dự án khoa học

Thông qua Đề án nghiên cứu khoa học về Đông Nam Bộ, Trường đang thực hiện là đầu mối liên kết các nhà khoa học của vùng, của cả nước; các cơ sở, đơn vị

nghiên cứu như: các Sở khoa học Công nghệ các tỉnh thành Đông Nam Bộ, các Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Quỹ phát triển công nghệ quốc gia Nafosted, các Trường đại học....để thực hiện các đề tài gắn liền với miền Đông Nam Bộ và phục vụ cho phát triển kinh tế- xã hội của vùng và đặc biệt là cho tỉnh Bình Dương.

Trong những năm gần đây, Trường đã tổ chức thành công các Hội thảo Quốc gia: “Chiến thắng Điện Biên Phủ- Những vấn đề lịch sử”, “20 năm đô thị hóa Nam Bộ- Lý luận và thực tiễn” (2014), “20 năm đô thị hóa Bình Dương- Những vấn đề thực tiễn” (2015)... Các Hội thảo Quốc tế: “Nền móng và giải pháp địa kỹ thuật xây dựng” (2013), “Việt Nam- 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập” (2015), Hội thảo quốc tế Công nghệ và quản lý xanh IFGTM lần VI – 2016 chủ đề “Tăng trưởng xanh - Con đường hướng đến phát triển bền vững” với sự tham gia của các học giả nổi tiếng của Việt Nam và thế giới như: GS, TSKH Vũ Minh Giang (Phó chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam), GS.TS. Bùi Cách Tuyến – Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, GS. Tusboi (Đại học Waseda, Nhật Bản, GS. Thayer (Học viện quốc phòng Úc)....

Giảng viên nghiên cứu khoa học của Trường từ chỗ chỉ đạt tỷ lệ 18,41% năm 2010, đã lên 74,06% năm 2015. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học từ 3,64% năm 2013, đã tăng lên 10,59% năm 2015. Đây là những con số đáng khích lệ và cho thấy bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào nghiên cứu khoa học mạnh mẽ trong tập thể Trường đại học Thủ Dầu Một. Đặc biệt, năm 2014 một đề tài khoa học của sinh viên đã đạt giải ba cuộc thi tài năng khoa học trẻ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (tên đề tài: Tổng hợp và nghiên cứu hoạt tính sinh học của vật liệu y sinh Hydroxyapatite từ vỏ trứng”).

Số bài báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu Hội thảo trong nước: 920 bài; Số bài báo nước ngoài: 99 bài; Số báo cáo khoa học tại các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế: 101 bài; Hoàn thành 15 giáo trình.... Từ khi bắt đầu thành lập Trường đại học Thủ Dầu Một cho đến nay, Trường đã thực hiện:

+ 01 đề tài cấp Nhà nước 2013-2015 do Quỹ phát triển khoa học Công nghệ Quốc gia Nafosted tài trợ “Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP”

+ 07 đề tài cấp tỉnh và 238 đề tài cấp trường. Hiện trường đang chú trọng tập trung nghiên cứu các đề tài liên quan mật thiết đến Bình Dương và Đông Nam Bộ là: “Sự bùng phát của cây lục bình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đề xuất giải pháp kiểm soát hiệu quả”; “Dân nghèo Bình Dương- Đông Nam Bộ- Thực trạng và các giải pháp giảm nghèo mang tính bền vững”; “Chiến lược phát triển bền vững không gian đô thị Bình Dương trong quan hệ tổng thể miền Đông Nam Bộ- Tầm nhìn 2020-2030”; “Nghiên cứu xử lý Protein trong laxe cao su tự nhiên đạt chuẩn quốc tế bằng Polyscarite”; công trình Nuôi nấm Đông Trùng hạ thảo trong phòng thí nghiệm (sản phẩm Đông Trùng hạ thảo do nhóm giảng viên khoa Tài nguyên Môi trường nghiên cứu đã vinh dự nhận giấy chứng nhận và cúp vàng sở hữu trí tuệ “Sản phẩm tin cậy- Dịch vụ hoàn hảo-Nhân hiệu ưu dùng năm 215” của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế).

- Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một hoạt động hiệu quả và có uy tín. Từ năm 2011 xuất bản định kỳ 6 số/năm, đăng tải các bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên cao học trong và ngoài trường. Hội đồng chức danh giáo sư cấp Nhà nước đã dùng Tạp chí để tính điểm trong phong hàm PGS, GS các lĩnh vực Sử học- Khảo cổ học- Dân tộc học và Tâm lý học. Tạp chí đã xuất bản được 21 số, đăng tải 242 bài báo khoa học có chất lượng. Trung tâm

nghiên cứu và phát triển, Ban biên dịch bước đầu triển khai kế hoạch hoạt động góp phần làm cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường thêm phong phú, đa dạng.

2.1.4. Về hợp tác quốc tế

Từ năm 2013 đến năm 2015, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm nước ngoài. Điển hình như: Học tập, trao đổi kinh nghiệm tại trường Đại học Thammasat (Vương Quốc Thái Lan); Tham dự “Diễn đàn giáo dục Đài – Việt lần thứ 3” (Trường Đại học Nghĩa Thu, thành phố Cao Hùng); Tham dự Hội nghị CDIO thế giới lần thứ 11 (Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) và thực hiện thành công báo cáo xin gia nhập Tổ chức CDIO thế giới. Hiện nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một là thành viên thứ 3 của Việt Nam gia nhập tổ chức CDIO thế giới sau Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Duy Tân và là thành viên liên kết của tổ chức AUN.

Hoạt động quan hệ quốc tế của Trường không ngừng mở rộng, Trường đã đón tiếp nhiều đối tác đến từ các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, đoàn đại diện Cộng đồng Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie - AUF), đại diện Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh, đại sứ quán Australia tại Hà Nội; tiếp đoàn đại biểu Trường Đại học Kyungsung, Viện trao đổi văn hóa quốc tế Hàn Quốc, Trường Nhật ngữ An (Nhật Bản), Đại học Nam Columbia, Đại học Nam Queensland (Australia), Đại học Hull (Vương quốc Anh). Ký biên bản ghi nhớ hợp tác với đại học Woosong về thành lập Trung tâm Hàn Ngữ, trao đổi chương trình đào tạo và giảng viên, ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Học viện Bình Đông (Đài Loan) để hợp tác đào tạo cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại các tỉnh Đông Nam Bộ. Hiện Trường đang cùng Trường Đại học Kyungsung thực hiện các bước cần thiết để thành lập Trung tâm ngôn ngữ Hàn- Việt đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Ngoài ra, hiện nay Trường đang đào tạo 25 sinh viên của nước Lào, theo học các ngành Quản trị- Kinh doanh, Tài chính- Ngân hàng và Công nghệ thông tin.

2.2 Về Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng và cố vấn bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch. Việc xây dựng chương trình dựa trên việc khảo sát yêu cầu năng lực của các doanh nghiệp, tham thảo các chương trình du lịch của các trường đại học trong và ngoài nước như: Đại học Văn Hiến, Đại Văn hoá, The Hong Kong Polytechnic University, EU Business School v.v Do đó chương trình đào tạo ngành du lịch của trường Đại học Thủ Dầu Một đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tính hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 32 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 58 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 20 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU
MỘT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO³

³ Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHTDM ngày ... tháng ... năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên chương trình:	Cử nhân DU LỊCH
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	DU LỊCH
Mã ngành:	7810101
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Khóa:	2020 – 2024

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chương trình (POs)

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du Lịch được xây dựng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và sản phẩm khoa học trong lĩnh vực Du lịch đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và phục vụ cho sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ, cả nước và hội nhập quốc tế. Với môi trường học tập trải nghiệm, người học được trang bị kiến thức; năng lực nghề nghiệp; năng lực tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Du lịch; có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện; trách nhiệm nghề nghiệp; khả năng thích nghi với những thay đổi, với môi trường làm việc để giải quyết các vấn đề của ngành Du lịch. Bên cạnh đó, người học cũng đạt được những yêu cầu về phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị, sức khỏe nhằm nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

TT	Nội dung
1	PO1: Nghiên cứu, ứng dụng các vấn đề của ngành Du lịch đóng góp cho sự phát triển bền vững của Việt Nam và khu vực.
2	PO2: Giải quyết các vấn đề cơ bản về quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực Du lịch trong bối cảnh đa dạng một cách chuyên nghiệp, sáng tạo và có đạo đức.
3	PO3: Có tính thần khởi nghiệp, động lực học tập mở rộng kiến thức, phát triển tri thức mới và nâng cao năng lực, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.2 Chuẩn đầu ra (ELOs)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình
			Thứ tự Nội dung
ELO1 - T	Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa 	ELO1 <ul style="list-style-type: none"> Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá, luật pháp, quản lý, con người, môi trường và tư duy phản biện vào lĩnh vực kinh doanh, quản lý, phát triển và nghiên cứu trong du lịch.

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình
			Thứ tự Nội dung
ELO2 - T	Kỹ năng	<p>học chính trị và pháp luật.</p> <p>- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>ELO2</p> <p>Xây dựng các phương thức quản trị kinh doanh, quản lý điểm đến và phát triển các hoạt động, các sản phẩm trong lĩnh vực du lịch theo định hướng bền vững cho các bên liên quan.</p>
		<p>- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p>	<p>ELO3</p> <p>Xác định và đánh giá các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, kinh doanh và nghiên cứu về du lịch.</p>
		<p>- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p>	<p>ELO4</p> <p>Vận dụng những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý, kinh doanh để tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch và cho điểm đến du lịch theo hướng có trách nhiệm.</p>
		<p>- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p>	<p>ELO5</p> <p>Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và hội nhập quốc tế</p>
		<p>- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p>	<p>ELO6</p> <p>Vận dụng thành thạo tư duy phản biện và sáng tạo để có cái nhìn mang tính toàn diện và hệ thống trong giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách hiệu quả.</p>
		<p>- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ</p>	<p>ELO7</p> <p>Phối hợp với nhóm trong cương vị của một lãnh đạo nhằm dẫn dắt hay của một thành viên trong nhóm hướng đến thực hiện có hiệu quả các công việc, nhiệm vụ chuyên môn của tổ chức trong môi trường luôn thay đổi.</p>
			<p>ELO8</p> <p>Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch phù hợp với</p>

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình
ELO3 - T	Mức tự chủ và trách nhiệm [Thái độ]	<p>biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. 	<p>những tình huống thay đổi trong môi trường làm việc.</p> <p>ELO9 Thể hiện ý thức trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, năng động</p> <p>ELO10 Có định hướng tương lai rõ ràng, có ý thức học tập suốt đời, có tinh thần khởi nghiệp và khát vọng phục vụ cộng đồng.</p>

Bảng ...: Sự tương thích giữa ELOs và Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu giáo dục (POs)	Các ELOs đóng góp cho POs		
	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
PO1	ELO 1, 2, 3, 4	ELO 5, 6, 7	ELO 9, 10
PO2	ELO 1, 2, 3, 4	ELO 5, 6, 7, 8	ELO 9, 10
PO3			ELO 9, 10

1.3. Cơ hội việc làm:

Người học tốt nghiệp ngành Du lịch có thể đảm trách các vị trí các công việc khác nhau trong các doanh nghiệp lữ hành; các công ty tổ chức sự kiện; các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các trung tâm nghiên cứu về du lịch; hoặc các trường trung cấp, cao đẳng về du lịch; và có thể tiếp tục học ở bậc cao học và tiến sĩ, cụ thể:

- Nhân viên thiết kế / xây dựng chương trình du lịch
- Nhân viên điều hành chương trình du lịch
- Nhân viên kinh doanh chương trình du lịch
- Nhân viên tổ chức sự kiện
- Hướng dẫn viên du lịch

- Trưởng đoàn du lịch
- Thuyết minh viên du lịch
- Trưởng phòng điều hành
- Trưởng phòng hướng dẫn
- Trưởng phòng sản phẩm
- Trưởng phòng kinh doanh
- Quản lý doanh nghiệp du lịch, sự kiện
- Cán bộ chuyên trách về xúc tiến, quy hoạch, phát triển sản phẩm du lịch
- Giáo viên tại các trường trung cấp, cao đẳng về du lịch
- Chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch

1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học: Theo qui định về chuẩn đầu ra của Trường

1.5. Bằng cấp: Cử nhân ngành Du lịch

2. Thời gian đào tạo: 12 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ (chưa bao gồm 5 Tín chỉ Giáo dục thể chất, 8 Giáo dục quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ không chuyên, tin học, kỹ năng xã hội).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường ĐH Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

6. Thang điểm: Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khoá (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp
Đại học	4 năm	120	32	58	20	10

7.2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương: 32 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	0	75	150	225	X	
2		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	0	3	90	90	180	X	
3		Giáo dục thể chất (LT)	2	0	30	60	90	X	
4		Giáo dục thể chất (TH)	0	3	90	90	180	X	
5		Nghiên cứu khoa học	3	0	45	90	135	X	
6		Tư duy biện luận ứng dụng	2	0	30	60	90	X	
7		Triết học Mác - Lênin	3	0	30	90	120	X	
8		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	30	60	90	X	
9		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	0	30	60	90	X	
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	X	
11		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	X	
12		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	X	
13		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	30	60	90	X	
14		Lịch sử văn minh thế giới	2	0	30	60	90	X	
15		Nhập môn hệ thống thông tin	3	0	45	90	135	X	
16		Pháp luật đại cương	2	0	30	60	90	X	
17		Thực hành văn bản Tiếng Việt	0	2	60	60	120	X	
18		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	0	3	90	90	180	X	
Kiến thức cơ sở ngành: 58 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 20 TC)									
1		Tổng quan du lịch	3	0	45	90	135	X	
2		Seminar Y tế du lịch	0	1	30	30	60	X	
3		Seminar Hoạt náo	0	1	30	30	60	X	
4		Địa lý du lịch Việt Nam	2	0	30	60	90	X	
5		Kinh tế học đại cương	3	0	45	90	135	X	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
6		Kiến tập ngành du lịch	0	2	90	60	150	X		
7		Quản trị học	3	0	45	90	135	X		
8		Nguyên lý kế toán	3	0	45	90	135	X		
9		Quản trị tài chính	3	0	45	90	135	X		Nguyên lý kế toán
10		Marketing du lịch	3	0	45	90	135	X		
11		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	0	30	60	90	X		
12		Quản trị nguồn nhân lực	3	0	45	90	135	X		
13		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	0	45	90	135	X		
14		Phát triển du lịch bền vững	0	3	90	90	180	X		
15		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	0	45	90	135	X		
16		Công nghệ số trong du lịch	3	0	45	90	135		X	
17		Thương mại điện tử	0	2	60	90	150		X	
18		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	0	45	90	135		X	Quản lý học
19		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	0	45	90	135		X	
20		Digital marketing	0	2	60	60	120		X	
21		Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	0	30	60	90		X	
22		Văn hoá các nước ASEAN	2	0	30	60	90		X	
23		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	0	45	90	135		X	
24		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	0	2	60	60	120		X	Pháp luật thương mại, Luật du lịch, Đạo đức kinh doanh

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
										Tâm du k và n thuậ giao
25		Quản trị di sản du lịch	0	3	90	90	180		X	
26		Du lịch tâm linh	2	0	30	60	90		X	
27		Du lịch cộng đồng	0	3	90	90	180		X	
28		Học qua phục vụ cộng đồng	0	2	60	60	120		X	
29		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	0	2	60	60	120		X	
30		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	0	30	60	90		X	
31		Địa lý du lịch thế giới	2	0	30	60	90		X	
32		Du lịch có trách nhiệm	0	3	135	90	225		X	
33		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	0	30	60	90		X	
34		Kinh tế du lịch	2	0	30	60	90		X	
35		Xã hội học du lịch	2	0	30	60	90		X	
36		Văn hoá ẩm thực	2	0	30	60	90		X	
Kiến thức chuyên ngành: Người học chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau:										
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)										
1		Tuyến và điểm du lịch	3	0	45	90	135	X		
2		Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	0	15	30	45	X		
3		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	0	2	60	60	120	X		
4		Nghiệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	0	3	90	90	180	X		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
5		Thực tập tour Xuyên Việt	0	2	90	60	150	X	
6		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	0	45	90	135	X	
7		Quản trị điểm đến du lịch	0	3	90	90	180	X	
8		Đề án chuyên ngành QTLH	0	3	135	90	225	X	
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	0	4	120	#REF!	#REF!	X	
2		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	0	4	120	#REF!	#REF!	X	
3		Quản lý hoạt động khách sạn	3	0	45	#REF!	#REF!	X	
4		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	0	45	#REF!	#REF!	X	
5		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	0	45	#REF!	#REF!	X	
6		Đề án chuyên ngành QTKS	0	3	135	#REF!	#REF!	X	
Chuyên ngành Quản trị Sự kiện: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		MICE tourism	2	0	30	60	90	X	
2		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	0	45	90	135	X	
3		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	0	45	90	135	X	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP	
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
4		Thực hành lập dự án sự kiện	0	3	90	90	180	X	
5		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	0	45	90	135	X	
6		Chiến lược du lịch sự kiện	3	0	45	90	135	X	
7		Đề án chuyên ngành QTSK	0	3	135	90	225	X	
Thực tập tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1		Thực tập tốt nghiệp	0	5	25	150	175	X	
2		Khoá luận tốt nghiệp	0	5	225	150	375		X
3		Báo cáo tốt nghiệp	0	5	226	150	376		X

8. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
1		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0	30	60	90	
2		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	30	60	90	
3		Nhập môn hệ thống thông tin	3	3	0	45	90	135	
4		Tổng quan du lịch	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.1	10	10	0	150	300	450	
1		Giáo dục thể chất (LT)	2	2	0	30	60	90	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
2		Nghiên cứu khoa học	3	3	0	45	90	135	
3		Seminar Y tế du lịch	1	0	1	30	30	60	
4		Seminar Hoạt não	1	0	1	30	30	60	
5		Địa lý du lịch Việt Nam	2	2	0	30	60	90	
6		Kinh tế học đại cương	3	3	0	45	90	135	
7		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.2	10	8	2	180	300	480	
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	5	0	75	150	225	
9		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	3	0	3	90	90	180	
10		Pháp luật đại cương	2	2	0	30	60	90	
11		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	0	2	60	60	120	
12		Kiến tập ngành du lịch	2	0	2	90	60	150	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.3	6	2	4	180	180	360	
1		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2	0	30	60	90	
2		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	3	0	3	90	90	180	
3		Quản trị học	3	3	0	45	90	135	
4		Nguyên lý kế toán	3	3	0	45	90	135	
5		Công nghệ số trong du lịch	3	3	0	45	90	135	
6		Thương mại điện tử	3	0	2	60	90	150	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.1	14	11	3	255	420	675	
1		Giáo dục thể chất (TH)	3	0	3	90	90	180	
2		Triết học Mác - Lênin	3	3	0	30	90	120	
3		Quản trị tài chính	3	3	0	45	90	135	Nguyên lý kế toán

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
4		Tuyển và điểm du lịch	3	3	0	45	90	135	
5		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	4	0	4	120	120	240	
6		MICE tourism	2	2	0	30	60	90	
7		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTLH)	12	9	3	210	360	570	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTKS)	13	6	7	285	390	675	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTSK)	14	11	3	240	420	660	
1		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	60	90	
2		Marketing du lịch	3	3	0	45	90	135	
3		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	3	0	45	90	135	Quản trị học
4		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	3	0	45	90	135	
5		Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	1	0	15	30	45	
6		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	0	2	60	60	120	
7		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	4	0	4	120	120	240	
8		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTLH)	11	9	2	195	330	525	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTKS)	12	8	4	240	360	600	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTSK)	11	11	0	165	330	495	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
1		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	2	0	30	60	90	
2		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	2	0	30	60	90	
3		Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	45	90	135	
4		Digital marketing	2	0	2	60	60	120	
5		Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	2	0	30	60	90	
6		Văn hoá các nước ASEAN	2	2	0	30	60	90	
7		Nghiệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	3	0	3	90	90	180	
8		Thực tập tour Xuyên Việt	2	0	2	90	60	150	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
9		Quản lý hoạt động khách sạn	3	3	0	45	90	135	
10		Thực hành lập dự án sự kiện	3	0	3	90	90	180	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTLH)	14	7	7	345	420	765	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTKS)	12	10	2	210	360	570	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTSK)	12	7	5	255	360	615	
1		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	60	90	
2		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3	0	45	90	135	
3		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	3	0	45	90	135	
4		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	2	0	2	60	60	120	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
5		Quản trị di sản du lịch	3	0	3	90	90	180	
6		Du lịch tâm linh	2	2	0	30	60	90	
7		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0	45	90	135	
8		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	3	0	45	90	135	
9		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTLH)	13	11	2	225	390	615	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTKS)	13	11	2	225	390	615	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTSK)	13	11	2	225	390	615	
1		Phát triển du lịch bền vững	3	0	3	90	90	180	
2		Du lịch cộng đồng	3	0	3	90	90	180	
3		Học qua phục vụ cộng đồng	2	0	2	60	60	120	
4		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	2	0	2	60	60	120	
5		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	2	0	30	60	90	
6		Địa lý du lịch thế giới	2	2	0	30	60	90	
7		Du lịch có trách nhiệm	3	0	0	135	90	225	
8		Quản trị điểm đến du lịch	3	0	3	90	90	180	
9		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	3	0	45	90	135	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
10		Chiến lược du lịch sự kiện	3	3	0	45	90	135	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTLH)	11	0	11	330	330	660	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTKS)	11	3	8	285	330	615	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTSK)	11	3	8	285	330	615	
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	60	90	
2		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	3	0	45	90	135	
3		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	2	0	30	60	90	
4		Kinh tế du lịch	2	2	0	30	60	90	
5		Xã hội học du lịch	2	2	0	30	60	90	
6		Văn hoá ẩm thực	2	2	0	30	60	90	
7		Đề án chuyên ngành QTLH	3	0	3	135	90	225	
8		Đề án chuyên ngành QTKS	3	0	3	135	90	225	
9		Đề án chuyên ngành QTSK	3	0	3	135	90	225	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTLH)	10	7	3	240	300	540	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTKS)	10	7	3	240	300	540	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTSK)	10	7	3	240	300	540	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	
1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	60	90	
2		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	25	150	175	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.2	7	2	5	55	210	265	
1		Khoá luận tốt nghiệp	5	0	5	225	150	375	
2		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	5	225	150	375	
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.3	5	0	5	225	150	375	

9. Ma trận Chuẩn đầu ra CTĐT và Học phần

STT		Tên học phần		Học kỳ		CH
-----	--	--------------	--	--------	--	----

	Mã HP		Số tín chỉ		KIẾN THỨC				K
					ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	
1		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	1.3	S	N	N	N	S
2		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	3	1.3	S	N	N	N	S
3		Giáo dục thể chất (LT)	2	1.2	N	N	N	N	N
4		Giáo dục thể chất (TH)	3	2.2	N	N	N	N	N
5		Nghiên cứu khoa học	3	1.2	S	S	S	N	S
6		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2.1	S	N	N	N	S
7		Triết học Mác - Lênin	3	2.2	S	N	N	N	S
8		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2.3	S	N	N	N	S
9		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	3.1	S	N	N	N	S
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3.2	S	N	N	N	S
11		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4.1	S	N	N	N	S
12		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4.2	S	N	N	N	S
13		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1.1	S	N	N	N	S
14		Lịch sử văn minh thế giới	2	1.1	S	N	N	N	S
15		Nhập môn hệ thống thông tin	3	1.1	S	N	N	N	S
16		Pháp luật đại cương	2	1.3	S	N	N	N	S
17		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	1.3	S	N	N	N	S
18		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	3	2.1	H	S	S	N	S

19	Tổng quan du lịch	3	1.1	S	S	S	S	S
20	Seminar Y tế du lịch	1	1.2	N	N	N	N	S
21	Seminar Hoạt náo	1	1.2	N	N	N	N	H
22	Địa lý du lịch Việt Nam	2	1.2	S	N	S	S	S
23	Kinh tế học đại cương	3	1.2	S	S	S	N	S
24	Kiến tập ngành du lịch	2	1.3	S	S	S	N	S
25	Quản trị học	3	2.1	S	S	S	S	S
26	Nguyên lý kế toán	3	2.1	S	N	N	N	S
27	Quản trị tài chính	3	2.2	S	S	S	S	S
28	Marketing du lịch	3	2.3	S	S	S	S	S
29	Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	3.1	S	N	N	N	S
30	Quản trị nguồn nhân lực	3	3.1	S	S	S	S	S
31	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3.2	S	N	N	N	H
32	Phát triển du lịch bền vững	3	3.3	S	H	H	H	S
33	Quản trị rủi ro trong du lịch	3	4.1	S	S	S	S	S
34	Công nghệ số trong du lịch	3	2.1	S	S	S	S	H
35	Thương mại điện tử	3	2.1	S	S	N	S	H
36	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	2.3	S	S	S	S	S
37	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	2.3	S	N	N	N	S
38	Digital marketing	2	3.1	S	S	S	S	S
39	Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	3.1	S	N	N	N	S

40	Văn hoá các nước ASEAN	2	3.1	S	N	N	N	S
41	Quản trị chiến lược trong du lịch	3	3.2	S	H	H	H	S
42	Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	2	3.2	S	N	N	S	H
43	Quản trị di sản du lịch	3	3.2	S	S	S	S	S
44	Du lịch tâm linh	2	3.2	S	S	S	S	S
45	Du lịch cộng đồng	3	3.3	S	S	S	S	S
46	Học qua phục vụ cộng đồng	2	3.3	S	S	S	S	S
47	Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	2	3.3	N	N	N	N	H
48	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	3.3	S	N	N	N	H
49	Địa lý du lịch thế giới	2	3.3	S	N	N	N	S
50	Du lịch có trách nhiệm	3	3.3	S	H	H	H	S
51	Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	4.1	S	S	S	S	H
52	Kinh tế du lịch	2	4.1	S	S	S	S	S
53	Xã hội học du lịch	2	4.1	S	S	S	S	S
54	Văn hoá ẩm thực	2	4.1	S	N	N	N	S
55	Tuyến và điểm du lịch	3	2.2	S	N	N	N	S
56	Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	2.3	S	N	N	S	H
57	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2.3	S	N	N	S	H
58	Nghiệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	3	3.1	S	N	N	S	H
59	Thực tập tour Xuyên Việt	2	3.1	S	N	N	N	H
60	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3.2	S	S	S	S	S

61		Quản trị điểm đến du lịch	3	3.3	S	H	S	H	S
62		Đề án chuyên ngành QTLH	3	4.1	H	H	H	H	H
63		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	4	2.2	S	N	N	N	S
64		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	4	2.3	S	N	N	N	S
65		Quản lý hoạt động khách sạn	3	3.1	S	S	S	S	S
66		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	3.2	S	S	S	S	S
67		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	3.3	S	H	H	H	S
68		Đề án chuyên ngành QTKS	3	4.1	H	H	H	H	H
69		MICE tourism	2	2.2	S	S	S	S	S
70		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	2.2	S	S	N	N	S
71		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	2.3	S	S	N	N	S
72		Thực hành lập dự án sự kiện	3	3.1	S	S	S	S	H
73		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	3.2	S	S	S	S	S
74		Chiến lược du lịch sự kiện	3	3.3	S	H	H	H	S
75		Đề án chuyên ngành QTSK	3	4.1	H	H	H	H	H
76		Thực tập tốt nghiệp	5	4.2	S	S	S	S	H
77		Khoá luận tốt nghiệp	5	4.3	H	H	H	H	H
78		Báo cáo tốt nghiệp	5	4.3	H	H	H	H	S

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Trường Đại học Thủ Dầu Một đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học tại địa chỉ website <https://tdmu.edu.vn/>

2. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ đầu tư đầy đủ các lĩnh vực theo quy định để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đào tạo đối với ngành **Du lịch** theo yêu cầu của

Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường cam kết sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy.

3. Trường Đại học Thủ Dầu Một kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và chấp thuận cho Trường mở ngành đào tạo cư nhân **Du Lịch**.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu VT

THIỆU LÝ LỊCH KHOA HỌC

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU
MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng năm 2020

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH⁴

Tên ngành: Du lịch; Mã số: 7810101

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của Trường	Ghi chú
	1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Đạt	
	2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Đạt	
	3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Đạt	
	5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo	Đạt	
2	Đội ngũ giảng viên		
	1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo	Đạt	
	2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo	Đạt	
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	Đạt	

⁴ Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).	Đạt	
3	Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo	Đạt	
4	Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo	Đạt	
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)	Đạt	

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thù Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Quang Thôn
- Chức vụ: Nhân viên Sale
- Tên đơn vị: Images Travel
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 30

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 5.1. Rất cao 5.2. Cao 5.3. Trung bình 5.4. Thấp 5.5. Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 10 người.
 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 15 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.
 (1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				X	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				X	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			X		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			X		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc				X	
10	Phương pháp nghiên cứu			X		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				X	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				X	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm			✓		
27	Tự đánh giá khả năng làm việc			✓		
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác				✓	
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động					✓
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Ngọc Tuấn
- Chức vụ: Trưởng Bộ phận Tuyển dụng - Chăm sóc khách hàng
- Tên đơn vị:
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 30

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
5.1. Rất cao 5.2. Cao 5.3. Trung bình 5.4. Thấp 5.5. Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
6.1. Trong vòng 5-10 năm: 15 người.
6.2. Trong vòng 10-20 năm: 20 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.
(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				X	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường			X		
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro					
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			X		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc				X	
10	Phương pháp nghiên cứu			X		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					X
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					X

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát					
18	Nghiên cứu			✓		
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc					✓
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá					✓
46	Trung thực					✓
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Thị Thuý Linh
- Chức vụ: Chuyên viên
- Tên đơn vị: Công ty TNHH Thủ Dầu Một Linh Huệ
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 12

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - Rất cao
 - 5.2 Cao
 - Trung bình
 - Thấp
 - Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - Trong vòng 5-10 năm: 10 người.
 - Trong vòng 10-20 năm: 15 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✓	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch			✓		
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường			✓		
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			✓		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu			✓		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững			✓		
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				✓	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát					
18	Nghiên cứu			✓		
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc					✓
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá					✓
46	Trung thực					✓
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Huỳnh Quốc Trường
2. Chức vụ: Chủ quản chi tiêu kinh doanh
3. Tên đơn vị: Koje Travel
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 27

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 10 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 15 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✓	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	✓
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường					
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			✓		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc			✓		
10	Phương pháp nghiên cứu			✓		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững			✓		
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					✓
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					✓

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện					✓
21	Tư duy hệ thống					✓
22	Sáng tạo					✓
23	Truyền cảm hứng					✓
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm				✓	
27	Tự đánh giá khả năng làm việc				✓	
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch			✓		
29	Điều hành du lịch			✓		
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch			✓		
31	Kinh doanh du lịch			✓		
32	Lên ý tưởng sự kiện			✓		
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện			✓		
34	Điều phối tổ chức sự kiện			✓		
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

Kỹ năng thu hút khách hàng / các dịch vụ khác nhau
 trong môi trường kinh doanh cũng khác nhau

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Huỳnh Công Thiệu
2. Chức vụ: Trưởng đơn vị nhân sự, du lịch
3. Tên đơn vị:
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp:

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 5.1. Rất cao 5.2. Cao 5.3. Trung bình 5.4. Thấp 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 6.1. Trong vòng 5-10 năm:.....người.
 6.2. Trong vòng 10-20 năm:.....người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch			X		
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				X	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			X		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			X		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc			X		
10	Phương pháp nghiên cứu			X		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					X
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					X

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng					✓
15	Giao tiếp & đối ngoại					✓
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định					✓
17	Phân công, tổ chức & giám sát					✓
18	Nghiên cứu					✓
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm				✓	
27	Tự đánh giá khả năng làm việc				✓	
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện			✓		
34	Điều phối tổ chức sự kiện			✓		
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/dam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác				✓	
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Đỗ Thị Mỹ Linh
2. Chức vụ: Ph. phòng HR
3. Tên đơn vị: Netwin Travel
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 20

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 20 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 25 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				X	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				X	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro				X	
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch				X	
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc				X	
10	Phương pháp nghiên cứu				X	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					X
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					X

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng					✓
15	Giao tiếp & đối ngoại					✓
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định					✓
17	Phân công, tổ chức & giám sát					✓
18	Nghiên cứu					✓
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm				✓	
27	Tự đánh giá khả năng làm việc				✓	
	Kỹ năng nghề nghiệp				✓	
28	Hướng dẫn du lịch					✓
29	Điều hành du lịch					✓
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch					✓
31	Kinh doanh du lịch					✓
32	Lên ý tưởng sự kiện					✓
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện					✓
34	Điều phối tổ chức sự kiện					✓
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)			✓		
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....*Đảm bảo năng lực và thực hành tại doanh nghiệp*.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Phan Nguyệt Quế
- Chức vụ: Chủ Hãng Du lịch
- Tên đơn vị: Vietnagon Travel
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 20

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - Rất cao
 - 5.2 Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 15 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 25 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch					✓
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội					✓
3	Tâm lý, hành vi khách					✓
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				✓	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro				✓	
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch				✓	
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu					✓
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững					✓
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				✓	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✗	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✗	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✗	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✗	
22	Sáng tạo				✗	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✗
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✗
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✗
27	Tự đánh giá khả năng làm việc					✗
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✗	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✗	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✗	
37	Phục vụ bàn				✗	
38	Pha chế thức uống				✓	
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✗
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✗	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✗	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✗	
48	Chu đáo			✗		
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá			✗		

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thù Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Đang Hoàng Tiến
- Chức vụ: Chủ tịch Hội Cựu Sinh Viên Trường ĐH
- Tên đơn vị:
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp:

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 5.1. Rất cao 5.2. Cao 5.3. Trung bình 5.4. Thấp 5.5. Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 6.1. Trong vòng 5-10 năm:.....người.
 6.2. Trong vòng 10-20 năm:.....người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.
 (1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✗	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường			✗		
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			✗		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức			✗		
9	Quy trình công việc					
10	Phương pháp nghiên cứu				✗	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				✓	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✗	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				✓	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống			✓		
22	Sáng tạo			✓		
23	Truyền cảm hứng			✓		
24	Ngoại ngữ giao tiếp			✓		
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin			✓		
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm			✓		
27	Tự đánh giá khả năng làm việc			✓		
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp				✓	
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp				✓	
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp			✓		
42	Yêu nghề/đam mê			✓		
43	Quan tâm đến người khác			✓		
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

Liên kết với các doanh nghiệp đang hoạt động để tìm kiếm nhân lực.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Phan Đình Thống
2. Chức vụ: Đặc phái viên
3. Tên đơn vị: Công ty cổ phần United Partners
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 30

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 20 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 40 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Vấn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✓	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				✓	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch		✓			
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu				✓	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				✓	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					✓

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng					
15	Giao tiếp & đối ngoại			✓		
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định			✓		
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu			✓		
19	Thích nghi với môi trường thay đổi		✓			
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc			✓	✓	
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện			✓		
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện			✓		
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓	✓	
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp				✓	
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp				✓	
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp				✓	
42	Yêu nghề/đam mê				✓	
43	Quan tâm đến người khác				✓	
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

Số: /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo ngành Du Lịch

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Du Lịch của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH TỔ SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI
HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chương trình đào tạo
1	TS. Nguyễn Văn Thủy	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Du Lịch
2	TS. Trần Cẩm Thi	Cố vấn cao cấp	Thành viên	Du Lịch
3	ThS. Phạm Thanh Sang	Giảng viên	Thành viên	Du Lịch
4	ThS. Trần Thị Khánh Hòa	Thư ký chương trình	Thành viên	Du Lịch

Số: /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Du Lịch
và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Du Lịch và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH HỘI ĐỘNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

TT	Họ và Tên	Nhiệm vụ trong HĐ	Đơn vị công tác
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Chủ tịch	ĐH Thủ Dầu Một
2	TS. Nguyễn Văn Thủy	Thành viên	ĐH Thủ Dầu Một
3	ThS. Huỳnh Công Danh	Thành viên	ĐH Thủ Dầu Một
4	ThS. Lê Thị Kim Út	Thành viên	ĐH Thủ Dầu Một
5	TS. Trần Minh Trung	Thành viên	ĐH Thủ Dầu Một
6	ThS. Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	ĐH Thủ Dầu Một
7	ThS. Trần Thị Khánh Hòa	Thư ký	ĐH Thủ Dầu Một

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Du lịch

Mã ngành: 7810101

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày tháng năm

- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- Theo Quyết định sốQĐ - ĐHTDM ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Chương trình đào tạo trình độ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Du lịch (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2) Thông qua nội dung và ý kiến

ThS. Trần Thị Khánh Hòa thư ký Hội đồng, báo cáo tóm tắt về Chương trình. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng thẩm định tiến hành thảo luận, xem xét các yêu cầu theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22) và nhận thấy Chương trình đều đáp ứng đầy đủ theo TT22

100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình.

Cuộc họp kết thúc lúc giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)